

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **719** /QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày **22** tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018**

**của huyện Trà Bồng**

T. CÔNG ĐÀO & T. HỌC Q. NGÃI	
<b>ĐẾN</b>	Số: <b>7971</b>
	Ngày: <b>23.8.18</b>
	Chuyên: <b>ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ số quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 13/6/2013 của Chính phủ về Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp năm 2018 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 28/02/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Trà Bồng;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân huyện Trà Bồng tại Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2018 về việc đề nghị phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Trà Bồng và Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 3731/TTr-STNMT ngày 15/8/2018 về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Trà Bồng,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Trà Bồng, với các nội dung sau:

1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch (*chi tiết Biểu 01 kèm theo*).

2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2018 (*chi tiết Biểu 02 kèm theo*).

3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2018 (chi tiết Biểu 03 kèm theo).

4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng năm 2018 (chi tiết Biểu 04 kèm theo).

5. Danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp.

a) Tổng danh mục các công trình dự án thực hiện trong năm kế hoạch sử dụng đất 2018 là 18 công trình, dự án với tổng diện tích là 19,105 ha. Trong đó:

- Có 14 công trình, dự án phải thu hồi đất theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, với tổng diện tích 9,254 ha, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 (Có Phụ biểu 01 kèm theo).

- Có 04 công trình, dự án không thuộc quy định tại Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai, với tổng diện tích là 9,851 ha (Có Phụ biểu 02 kèm theo).

b) Danh mục các công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ sang đất phi nông nghiệp:

Có 05 công trình, dự án chuyển mục đích sử dụng đất lúa sang đất phi nông nghiệp thuộc khoản 1 Điều 58 Luật đất đai 2013 với diện tích cần chuyển mục đích sử dụng đất 0,614 ha, được HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 15/2018/NQ-HĐND ngày 13/7/2018 (Có Phụ biểu 03 kèm theo).

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, Ủy ban nhân dân huyện Trà Bồng có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất và tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng kế hoạch sử dụng đất được duyệt.

3. Chuyển mục đích sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân: Phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền duyệt; vị trí chuyển mục đích sử dụng đất phải nằm tiếp giáp với khu dân cư hiện hữu không làm ảnh hưởng đến việc phát triển quỹ đất của các dự án của tỉnh, huyện.

4. Đối với các dự án có sử dụng đất trồng lúa, UBND huyện Trà Bồng xác định để quy định từng vị trí đất nông nghiệp cụ thể theo quy định tại Khoản 5 Điều 5 Quyết định số 67/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định về giá các loại đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi áp dụng cho thời kỳ 05 năm (2015-2019), làm cơ sở để Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển thông tin cho Sở Tài chính xác định số tiền phải nộp theo quy định tại Quyết định số 44/2016/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND tỉnh.

5. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch sử dụng đất; trường hợp có phát sinh mới công trình, dự án trong năm kế hoạch sử dụng

đất đề xuất UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để được điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch sử dụng đất theo quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các sở, ban ngành liên quan; Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), các P. N/cứu, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TNak726.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

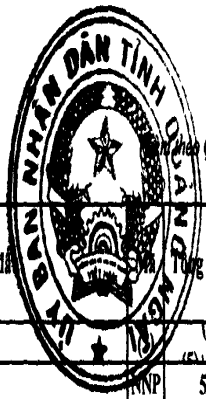
**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Tăng Bính**





TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã loại đất	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				TT Trà Xuân	Xã Trà Giang	Xã Trà Thủy	Xã Trà Hiệp	Xã Trà Bình	Xã Trà Phú	Xã Trà Lâm	Xã Trà Tân	Xã Trà Sơn	Xã Trà Bội
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Đất nông nghiệp	NNP	5,166	1,525	0,000	2,090	0,050	1,222	0,000	0,016	0,237	0,000	0,026
1,1	Đất trồng lúa	LUA	0,614	0,300		0,095		0,219					
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	0,614	0,300		0,095		0,219					
1,2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	0,480	0,015		0,008		0,453			0,004		
1,3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3,483	1,210		1,787		0,287			0,173		0,026
1,4	Đất rừng phòng hộ	RPH	0,000										
1,5	Đất rừng đặc dụng	RDD	0,000										
1,6	Đất rừng sản xuất	RSX	0,589			0,200	0,050	0,263		0,016	0,060		
1,7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0,000										
1,8	Đất làm muối	LMI	0,000										
1,9	Đất nông nghiệp khác	NKH	0,000										
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	0,355	0,136	0,000	0,079	0,104	0,006	0,000	0,000	0,026	0,000	0,004
2,1	Đất quốc phòng	QOP	0,000										
2,2	Đất an ninh	CAN	0,000										
2,3	Đất khu công nghiệp	SKK	0,000										
2,4	Đất khu chế xuất	SKT	0,000										
2,5	Đất cụm công nghiệp	SKN	0,000										
2,6	Đất thương mại, dịch vụ	TM	0,000										
2,7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	0,000										
2,8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	0,000										
2,9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	0,000										
2,10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,000										
2,1	Đất danh lam thắng cảnh	DDL	0,000										
2,1	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	0,000										
2,1	Đất ở tại nông thôn	ONT	0,040			0,004		0,006			0,026		0,004
2,1	Đất ở tại đô thị	ODT	0,063	0,063									
2,2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,104				0,104						
2,2	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	0,000										
2,2	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0,000										
2,2	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,000										
2,2	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	0,000										
2,20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	0,000										
2,2	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	0,000										
2,2	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,000										
2,2	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,000										
2,2	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	0,073	0,073									
2,3	Đất có mặt nước chuyên dùng	MIN	0,075			0,075							
2,3	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,000										
3	Đất chưa sử dụng	CSD	0,002								0,002		





**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN PHẢI THU HỒI ĐẤT NĂM 2018 CỦA HUYỆN TRÀ BÔNG**



Quyết định số 719 /QĐ-UBND ngày 22 /8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

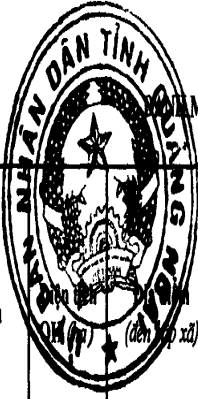
STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (ha)	Trên bản đồ chính thức (bản đồ số, bản đồ địa chính số) hoặc trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Dự kiến kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư					Ghi chú			
					Tổng (triệu đồng)	Trong đó							
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã		Vốn khác (Doanh nghiệp, hỗ trợ...)		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(8)+(9)+(10)+(11)+(12)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	
1	Cầu Suối Nang 2 và đường hai đầu cầu	0,190	TT Trà Xuân	Tờ bản đồ số 6, TT Trà Xuân	Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 09/02/2017 của UBND tỉnh Về chủ trương đầu tư dự án Cầu Suối Nang 2, huyện Trà Bông; Quyết định 17/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bông về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2018; Quyết định số 920/QĐ-UBND ngày 14/12/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2018	535		535					
2	Đường điện tổ 03, thôn Trà Hoa, xã Trà Lâm	0,016	Trà Lâm	Tờ bản đồ số 3, Trà Lâm	Báo cáo 329A/BC-UBND ngày 15/8/2017 của UBND huyện Trà Bông Báo cáo đề xuất Chủ trương đầu tư Danh mục các dự án khởi công mới nhóm C năm 2018 của Chương trình 30a thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 09/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bông về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển và nhiệm vụ quản lý thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2018	200	200						



3	Đường điện đội 10 qua đội 11, thôn Bình Trung, xã Trà Bình	0,012	Trà Bình	Tờ bản đồ số 5, 10, 18, Trà Bình	Báo cáo 329A/BC-UBND ngày 15/8/2017 của UBND huyện Trà Bồng Báo cáo đề xuất Chủ trương đầu tư Danh mục các dự án khởi công mới nhóm C năm 2018 của Chương trình 30a thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 09/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển và nhiệm vụ quản lý thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2018	150	150						
4	Đường TL 622 đi Thạch Bích	1,200	Trà Bình	Tờ bản đồ số 29, 39, Trà Bình	Báo cáo 329a/BC-UBND ngày 15/8/2017 của UBND huyện Trà Bồng Báo cáo đề xuất Chủ trương đầu tư Danh mục các dự án khởi công mới nhóm C năm 2018 của Chương trình 30a thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Quyết định số 1640/QĐ-UBND ngày 31/8/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án năm 2018 của Chương trình 30a thuộc chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi	400	400						
5	Trường TH và THCS Trà Hiệp (Xây dựng 02 phòng học điểm trường thôn Cà)	0,050	Trà Hiệp	540757,30 ;1687942,69	Quyết định số 1538/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 của UBND huyện về giao kế hoạch đầu tư phát triển và nhiệm vụ quản lý thực hiện dự án từ nguồn vốn đầu tư công năm 2018; Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 02/01/2018 của UBND huyện Trà Bồng về việc giao chi tiêu kế hoạch vốn đầu tư phát triển năm 2018;	200			200				
6	Nhà văn hóa xã Trà Hiệp	0,104	Trà Hiệp	Thửa đất số 6, tờ bản đồ số 23, Trà Hiệp	Quyết định số 2861/QĐ-UBND ngày 20/10/2015 của UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt chủ trương đầu tư công trình: Nhà văn hóa xã Trà Hiệp; Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch vốn và nhiệm vụ quản lý thực hiện các dự án thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2017								

7	Đường điện thôn 6 Trà Thủy	0,009	Trà Thủy	(5572878,40; 1688150,70) (556483,2; 1688141,61)	QĐ Số 1640/QĐ-UBND ngày 31/08/2017 của UBND Tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2018 của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 09/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển và nhiệm vụ quản lý thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2018	100	100						
8	Đường QL 24C đi thôn 1, xã Trà Thủy	3,323	Trà Thủy	(555305,45; 1688429,69) (555258,72; 1689707,26)	QĐ Số 1640/QĐ-UBND ngày 31/08/2017 của UBND Tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2018 của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi	1.500	1.500						
9	Xây dựng chỉ cục thuế huyện Trà Bồng	0,300	TT Trà Xuân	Tờ BD 18	Quyết định số 623/QĐ-BTC ngày 30/3/2016 của BTC về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án trong kế hoạch đầu tư xây dựng giai đoạn 2016-2020 của Tổng cục thuế Công văn số 2171/CT-HCQTTVAC ngày 14/9/2017 của Cục thuế tỉnh về việc đề nghị cấp vị trí khu đất và đăng ký sử dụng đất năm 2018								
10	Nối tiếp đường BTXM Trà Ngon-Trà Tân	0,217	Trà Tân	(561001,99; 1679688,29) (561015,04; 1679499,47)	QĐ số 1415/QĐ-UBND của UBND huyện Trà Bồng ngày 1/8/2017 về việc phân khai vốn đầu tư cơ sở hạ tầng từ nguồn viện trợ của chính phủ AiLen năm 2017 cho các xã đặc biệt khó khăn thuộc CT 135	2.000						2.000	
11	Nâng cấp mở rộng đường Thôn Niên-Trường Biện	0,500	Trà Bùi, Trà Tân	Tờ bd 14(bd lam nghiệp)	QĐ Số 1538/QĐ-UBND ngày 10/08/2017 về việc giao kế hoạch đầu tư phát triển và nhiệm vụ quản lý thực hiện dự án từ nguồn vốn đầu tư công 2018	1.000	#####						

12	Đường giao thông nông thôn đi Bình Đông-Bình Tân	3,040	Trà Bình	TỜ BD 38,46,39,47	QĐ số 1074/QĐ-UBND ngày 14/5/2015 của UBND huyện Trà Bồng về việc phê duyệt đề án xây dựng NTM xã Trà Bình huyện Trà Bồng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020; QĐ 633/QĐ-UBND ngày 04/4/2018 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bồng về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và nhiệm vụ quản lý thực hiện chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2018							
13	Cầu Suối Nang 3	0,19	TT Trà Xuân	Tờ bản đồ số 15, TT Trà Xuân	Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của UBND huyện về việc giao kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn thu để lại đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối; Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 về việc phân bổ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất và từ nguồn thu tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất năm 2017 để thực hiện một số nhiệm vụ năm 2018	1.200		1.200				
14	Nút Ti Gòn đường nội vùng phía Nam	0,103	TT Trà Xuân	Tờ bản đồ số 16, TT Trà Xuân	Quyết định số 129/QĐ-UBND ngày 26/01/2018 của UBND huyện về việc giao kế hoạch vốn đầu tư từ nguồn thu để lại đầu tư nhưng chưa đưa vào cân đối; Quyết định số 838/QĐ-UBND ngày 26/4/2018 về việc phân bổ nguồn vượt thu tiền sử dụng đất và từ nguồn thu tiền bán đấu giá quyền sử dụng đất năm 2017 để thực hiện một số nhiệm vụ năm 2018	1.491		1.491				
	<b>Tổng</b>	<b>9,254</b>				<b>8.776</b>	<b>3.350</b>	<b>1.735</b>	<b>1.691</b>	<b>-</b>	<b>2.000</b>	



MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN KHÔNG THUỘC QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 3, ĐIỀU 62 LUẬT ĐẤT ĐAI 2013

(Kèm theo Quyết định số 719 /QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên công trình, dự án	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Địa điểm (đơn vị cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Chủ trương, quyết định, ghi vốn	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(13)
1	Mỏ đá Thôn 3 xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng	1,740	Trà Thủy	Tờ 82 thửa 21,22,34	Giấy phép số 06/GP-UBND ngày 18/10/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi cho phép Công ty Cổ phần 20/7 khai thác làm VLXD bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đá Thôn 3, xã Trà Thủy, huyện Trà Bồng, Tỉnh Quảng Ngãi	
2	Xây dựng trụ sở làm việc của Viettel	0,029	TT Trà Xuân	Tờ BD 17 thửa 174	Công văn 3065/VTQĐ-QNI-TH ngày 13/09/2017 của Tập đoàn Viễn Thông Quân Đội Viettel Quảng Ngãi về việc xin chấp thuận chủ trương chuyển nhượng QSDĐ và chuyển đổi mục đích SDD tại huyện Trà Bồng để làm trụ sở Viettel Trà Bồng	
3	Nhà máy sản xuất gạch và ngói không nung	1,200	TT Trà Xuân	556865.07,1687613.14	QĐ số 1578/QĐ-UBND ngày 28/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Quyết định chủ trương đầu tư Dự án nhà máy sản xuất gạch và ngói không nung	

4	<p>Nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn huyện Trà Bồng</p>	6,882	<p>TT Trà Xuân (4.472 ha): - Tờ số 3: Thửa 14, 65;  - Tờ số 4: Thửa 27,377. 378, 379, 380;  - Tờ số 5: Thửa 24, 40, 69, 110, 121, 332;  - Tờ số 6: Thửa 21, 49, 97, 100, 126, 242, 309, 345, 359, 360, 360, 362, 364, 368, 370, 376, 377;  - Tờ số 7: Thửa 53, 69, 72, 93, 111, 148, 165, 181, 209, 247, 254, 255, 257, 258, 361, 364, 368, 369, 370, 664, 665, 668, 677;  - Tờ số 13: Thửa 42; Tờ số 15: Thửa 11, 339, 362, 390, 425, 446, 493, 494, 615, 622, 629, 630;  - Tờ số 16: Thửa 94, 150, 212, 213, 214, 244, 289, 504, 505, 506, 507;  - Tờ số 17: Thửa 59, 66, 144, 145, 147, 149, 185, 199, 203, 212, 213, 244, 281, 368, 387, 468, 409, 426, 428, 429, 482, 618, 642, 643, 644, 656, 657, 660, 670, 672, 673;  - Tờ số 18: Thửa 1, 14, 43, 44, 69, 124, 160, 188, 255, 306, 325, 357, 382, 435, 445, 455, 460, 469, 453, 484, 589, 590, 591, 592, 614, 617, 618, 619, 620, 621, 644, 649;  - Tờ số 19: Thửa 57, 122, 178, 185, 186, 187, 209, 213, 280, 316, 329, 371, 372, 394, 461, 462, 499, 500, 512,526;  - Tờ số 20: Thửa 21, 175;  - Tờ 21: Thửa 15, 23, 93, 104, 111, 113, 150, 151;  - Tờ 22: Thửa 88, 89, 90; Tờ 27: Thửa 18, 20, 46, 50, 83, 96, 197, 257, 258, 277, 278, 279, 280, 334, 342, 346, 347, 348, 349, 357, 387, 389, 390, 404, 405, 406, 407, 408, 409, 410, 411, 416, 419, 425;  - Tờ số 28: Thửa 386, 387;  - Tờ số 29 thửa 98; Tờ số 31: Thửa 9, 272;  - Tờ số 32: Thửa 6, 17, 58, 127, 128, 131, 132;  xã Trà Phú (0.269 ha): - Tờ số 3: Thửa 742;  - Tờ số 18: Thửa 90;  - Tờ số 19: Thửa 64;  - Tờ số 30: Thửa 187, 292;  - Tờ 31: Thửa 43, 300; Tờ 33: Thửa 490; Tờ 34: Thửa 530, 531; Tờ 45: Thửa 1, 38;  xã Trà Bình (0.639 ha) - Tờ 04: Thửa 271;  - Tờ số 29: Thửa 8, 26, 58, 80, 126, 132, 137, 144, 145, 146;</p>	
---	---	-------	--	--

			<p>- Tờ số 31: Thửa 134; Tờ 34: Thửa 306, 307;  - Tờ 35: Thửa 111; Tờ 36: Thửa 126;  - Tờ số 37: Thửa 174, 198, 325, 326, 327, 380; Tờ 39: Thửa 229, 246; Tờ 42: Thửa 10;</p> <p>xã Trà Sơn (0.466 ha) - Tờ số 2: Thửa 21, 27, 153;  - Tờ số 4: Thửa 51, 60, 68, 223;  - Tờ số 6: Thửa 333;  - Tờ 21: Thửa 152;  - Tờ 26: Thửa 69;  - Tờ số 30: Thửa 279;  - Tờ số 31: Thửa 105;  - Tờ số 32: Thửa 6; Tờ số 44: Thửa 1, 28;</p> <p>xã Trà Thủy( 0.430 ha): - Tờ số 13: Thửa 363, 364;  - Tờ số 70: Thửa 61;  - Tờ số 81: Thửa 1;  - Tờ số 82: Thửa 27; Tờ số 83: Thửa 42, 76, 77;  - Tờ số 86: Thửa 88; Tờ số 90: Thửa 17;</p> <p>xã Trà Giang (0.164 ha): - Tờ số 4: Thửa 16;  - Tờ số 6: Thửa 84, 92, 93, 103, 201, 301;  - Tờ số 12: Thửa 6, 8, 13);</p> <p>xã Trà Hiệp( 0.012 ha) : - Tờ 13: Thửa số 01;  xã Trà Tân?( 0.320 ha): - Tờ số 54: Thửa 97;  - Tờ số 57: Thửa 18, 26, 29;  - Tờ số 58: Thửa 9, 17, 25, 28, 33, 38, 40, 45, 54, 57, 71, 121;  - Tờ số 59: Thửa 11, 13, 21, 27, 33, 65, 67, 69, 70, 101, 103, 162;</p> <p>xã Trà Búi 0.110 ha (Tờ số 10: Thửa 15; Tờ số 15: Thửa 22); - Loại đất:BHK, CLN, RSX, LUC</p>		
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9,851</b>			

**DANH MỤC DỰ ÁN CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ SANG ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP NĂM 2018 CỦA HUYỆN TRÀ BÔNG**



theo Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Stt	Tên công trình, dự án	Diện tích		Địa điểm (đến cấp xã)	Vị trí trên bản đồ địa chính (tờ bản đồ số, thửa số) hoặc vị trí trên bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp xã	Ghi chú
		Diện tích đất (ha)	Diện tích đất RPH (ha)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Mỏ đá Thôn 3 xã Trà Thủy, huyện Trà Bông	1,740	0,075	xã Trà Thủy	Tờ 82 thửa 21,22,34	Giấy phép số 06/GP-UBND ngày 18/10/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi cho phép Công ty Cổ phần 20/7 khai thác làm VLXD bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ đá Thôn 3, xã Trà Thủy, huyện Trà Bông, Tỉnh Quảng Ngãi
2	Đường QL 24C đi thôn 1, xã Trà Thủy	2,320	0,020	xã Trà Thủy	(555305,45; 1688429,69) (555258,72; 1689707,26)	QĐ Số 1640/QĐ-UBND ngày 31/08/2017 của UBND Tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới năm 2018 của chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Quảng Ngãi
3	Đường điện đội 10 qua đội 11, thôn Bình Trung, xã Trà Bình	0,012	0,001	xã Trà Bình	Tờ bản đồ số 5, 10, 18, Trà Bình	Báo cáo 329A/BC-UBND ngày 15/8/2017 của UBND huyện Trà Bông Báo cáo đề xuất Chủ trương đầu tư Danh mục các dự án khởi công mới nhóm C năm 2018 của Chương trình 30a thuộc Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 09/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện Trà Bông về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển và nhiệm vụ quản lý thực hiện Chương trình Mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2018
4	Xây dựng chi cục thuế huyện Trà Bông	0,300	0,300	TT Trà Xuân	Tờ BD 18	Quyết định số 623/QĐ-BTC ngày 30/3/2016 của BTC về việc phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án trong kế hoạch đầu tư xây dựng giai đoạn 2016-2020 của Tổng cục thuế. Công văn số 2171/CT-HCQTTVAC ngày 14/9/2017 của Cục thuế tỉnh về việc đề nghị cấp vị trí khu đất và đăng ký sử dụng đất năm 2018
5	Đường giao thông nông thôn đi Bình Đông-Bình Tân	3,040	0,218	Trà Bình	TỜ BD 38,46,39,47	QĐ số 1074/QĐ-UBND ngày 14/5/2015 của UBND huyện Trà Bông về việc phê duyệt đề án xây dựng NTM xã Trà Bình huyện Trà Bông tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015-2020
	<b>Tổng cộng</b>	<b>7,412</b>	<b>0,614</b>			